

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai thẩm định quyết toán NSNN năm 2023
của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai**

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo số 1390/TB-STC ngày 13/03/2024 của Sở Tài chính thông báo thẩm định quyết toán ngân sách năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Xét đề nghị của Chánh văn phòng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu thẩm định quyết toán ngân sách nhà nước năm 2023 của Viện kiểm sát tỉnh Đồng Nai (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký;

Điều 3. Chánh văn phòng, Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách căn cứ quyết định tổ chức thực hiện. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính (B/c);
- BLĐ Viện tỉnh (B/c);
- Trang thông tin điện tử VKSDN;
- Lưu: VT, KT.

VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Mạnh Thắng



Điều số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính
Đơn vị: **VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**
Chương: **560**

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm 2023

(Kèm theo Quyết định số 76 /QĐ-VKS ngày 19/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai)
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5 = 4-3
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
I	Số thu phí, lệ phí			
1	Lệ phí			
2	Phí			
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại			
1	Chi sự nghiệp			
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
2	Chi quản lý hành chính			
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước			
1	Lệ phí			
2	Phí			
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	987.400.000	987.400.000	-
I	Nguồn ngân sách trong nước	987.400.000	987.400.000	-
1	Chi quản lý hành chính	987.400.000	987.400.000	-
11	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		0	-
12	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	987.400.000	987.400.000	-
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			
21	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở			
22	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng			
23	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0	0	-
31	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
32	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			-
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
41	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			

42	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
5	Chi bảo đảm xã hội			
51	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
52	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
6	Chi hoạt động kinh tế			
61	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
62	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
71	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
72	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
81	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
82	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
91	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
92	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
101	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
102	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
II	Nguồn vốn viện trợ			
1	Chi quản lý hành chính			
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
5	Chi bảo đảm xã hội			
6	Chi hoạt động kinh tế			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
III	Nguồn vay nợ nước ngoài			
1	Chi quản lý hành chính			
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
5	Chi bảo đảm xã hội			
6	Chi hoạt động kinh tế			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			

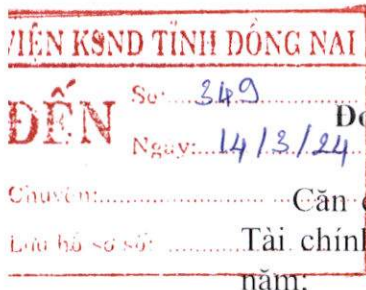
Số: 1390 /TB-STC

Đồng Nai, ngày 13 tháng 03 năm 2024

THÔNG BÁO

Thẩm định quyết toán ngân sách năm 2023

Đơn vị được thông báo: Viện Kiểm sát Nhân dân tỉnh Đồng Nai



Căn cứ báo cáo quyết toán ngân sách 2023 của Viện Kiểm sát Nhân dân tỉnh Đồng Nai và biên bản thẩm định quyết toán ngày 01/04/2023 và ngày 06/3/2024 giữa Viện Kiểm sát Nhân dân tỉnh Đồng Nai và Sở Tài chính Đồng Nai.

Sở Tài chính thông báo thẩm định quyết toán ngân sách năm 2023 của Viện Kiểm sát Nhân dân tỉnh Đồng Nai như sau:

I. Phần số liệu:

1. Số liệu quyết toán:

a) Thu phí, lệ phí: 0 đồng

b) Quyết toán chi ngân sách:

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang:

0 đồng

- Dự toán được giao trong năm:

987.400.000 đồng

+ Dự toán giao đầu năm:

0 đồng

+ Dự toán bổ sung trong năm:

987.400.000 đồng

- Kinh phí thực nhận trong năm:

987.400.000 đồng

- Kinh phí quyết toán:

987.400.000 đồng

- Kinh phí giảm trong năm:

0 đồng

- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 0 đồng.

2. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính: Không có kiến nghị

3. Thuyết minh số liệu quyết toán:

Như trong biên bản thẩm định quyết toán 2023.

II. Nhận xét và kiến nghị:

1. Nhận xét: Về sổ sách kế toán, biểu mẫu báo cáo: đơn vị lập và nộp đúng theo quy định

2. Kiến nghị: Không

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VT, NSNN



SỔ LIỆU THẨM ĐỊNH QUYẾT TOÁN CHI NGÂN NGÂN SÁCH NĂM 2023
(Kèm theo thông báo số 140 /TB-STC ngày 13/ 03/2024 của Sở Tài chính)

Phần I - TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ

Chỉ tiêu	Nội dung	Tổng số	Loại 400		Loại 070	
			Tổng loại	Khoản 428	Tổng loại	Khoản 082
A	B	I	2	3	4	5
1	I. Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	0	0	0		0
2	1. Nguồn NSNN	0				
3	a) NS trong nước	0				
4	Kinh phí đã nhận	0				
5	Dự toán kinh phí còn dư ở Kho bạc	0	0	0		0
8	2. Nguồn phí, lệ phí để lại	0	0	0		0
9	3. Nguồn Khác	0	0	0		0
10	II. Dự toán được giao trong năm	987,400,000	972,400,000	972,400,000	15,000,000	15,000,000
11	1. Nguồn ngân sách nhà nước	987,400,000	972,400,000	972,400,000	15,000,000	15,000,000
12	a) Ngân sách trong nước	987,400,000	972,400,000	972,400,000	15,000,000	15,000,000
15	2. Nguồn phí được khấu trừ, để lại	0				
16	3. Nguồn Khác	0				
17	III. Tổng số được sử dụng trong năm	987,400,000	972,400,000	972,400,000	15,000,000	15,000,000
18	1. Nguồn NSNN	987,400,000	972,400,000	972,400,000	15,000,000	15,000,000
19	a) Ngân sách trong nước	987,400,000	972,400,000	972,400,000	15,000,000	15,000,000
22	2. Nguồn Phí, lệ phí để lại	0				
23	3. Nguồn Khác (9+16)	0				
24	IV. Kinh phí thực nhận trong năm	987,400,000	972,400,000	972,400,000	15,000,000	15,000,000
25	1. Nguồn NSNN	987,400,000	972,400,000	972,400,000	15,000,000	15,000,000
26	a) Ngân sách trong nước	987,400,000	972,400,000	972,400,000	15,000,000	15,000,000
29	2. Nguồn Phí, lệ phí để lại	0				
30	3. Nguồn Khác	0				
31	V. Kinh phí quyết toán	987,400,000	972,400,000	972,400,000	15,000,000	15,000,000
32	1. Nguồn NSNN	987,400,000	972,400,000	972,400,000	15,000,000	15,000,000
33	a) Ngân sách trong nước	987,400,000	972,400,000	972,400,000	15,000,000	15,000,000
36	2. Nguồn Phí, lệ phí để lại	0				
37	3. Nguồn Khác	0				
38	VI. Kinh phí giảm trong năm (39+46+53)	0	0	0		0
39	1. Đã nộp NSNN	0	0	0		0
40	a) Nguồn NSNN	0	0	0		0
41	- Ngân sách trong nước	0				
44	b) Nguồn Phí, lệ phí để lại	0				
45	c) Nguồn Khác	0				
46	2. Còn phải nộp NSNN:	0	0	0		0
47	a) Nguồn NSNN	0	0	0		0
48	- Ngân sách trong nước (4+26-33-41-59)	0	0			0
51	b) Nguồn Phí, lệ phí để lại	0				
52	c) Nguồn Khác	0				
56	VII. Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán	0				
57	1. Nguồn NSNN	0				
58	a) NS trong nước	0				
59	- Kinh phí đã nhận	0				

PHẦN II: CHI TIẾT KINH PHÍ QUYẾT TOÁN

Loại	Khoản	Mục	Tiêu mục	Nội dung chi	Tổng số	
					Tổng số	Nguồn NSNN
A	B	C	D	E	I	2
				Tổng số	987,400,000	987,400,000
400	428	7750		Chi khác	972,400,000	972,400,000
			7799	Chi các khoản khác	972,400,000	972,400,000
070	082	7750		Chi khác	15,000,000	15,000,000
			7799	Chi các khoản khác	15,000,000	15,000,000

Kính gửi: Sở Tài chính

BÁO CÁO

V/v tình hình thực hiện công khai thẩm định quyết toán ngân sách nhà nước năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai báo cáo tình hình thực hiện công khai thẩm định quyết toán ngân sách nhà nước năm 2023 theo Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước, Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

I. Tình hình công khai ngân sách tại các đơn vị thuộc, trực thuộc:

- Số đơn vị chưa công khai ngân sách: 0
- Số đơn vị thực hiện công khai ngân sách: 1 (Chi tiết theo biểu sau)

Stt	Tên đơn vị	Đơn vị đã thực hiện công khai ngân sách					
		Nội dung		Hình thức		Thời gian	
		Đúng nội dung	Chưa đúng nội dung	Đúng hình thức	Chưa đúng hình thức	Đúng thời gian	Chưa đúng thời gian
I	Đơn vị dự toán thuộc, trực thuộc						
1	Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai						
2	VKS TP Long Khánh						
3	VKS TP Biên Hòa						
4	VKS H Xuân Lộc						
5	VKS H Vĩnh Cửu						
6	VKS H Trảng Bom						
7	VKS H Thống Nhất						
8	VKS H Tân Phú						
9	VKS H Nhơn Trạch						

10	VKS H Long Thành						
11	VKS H Định Quán						
12	VKS H Cẩm Mỹ						
II	Đơn vị được ngân sách nhà nước hỗ trợ thuộc, trực thuộc						
1	Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai	X		X		X	

II. Nêu những nguyên nhân tại sao chưa công khai hoặc đã công khai nhưng chưa đúng quy định.

Nơi nhận:

- C3-VKSTC;
- Sở tài chính ĐN;
- Các đơn vị thuộc;
- Lưu :VT, KT.

VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Mạnh Thắng